

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-PT

Ngày: 13 - 4 - 2023

V/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Sớm;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hà;
Ông Nguyễn Tiến Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thy Thy-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Kim T, sinh năm 1963; địa chỉ: đường H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1972; địa chỉ: đường N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Người kháng cáo bà Nguyễn Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2022; các tài liệu có tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đào Thị Kim T trình bày:

Vào ngày 15/10/2013 âm lịch, bà S có viết giấy vay tiền với số tiền là 250.000.000 đồng. Đến thời điểm khởi kiện, bà S đã trả được 174.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà S trả số tiền 75.000.000 đồng với lý do bà S đã trả được 175.000.000 đồng chứ không phải 174.000.000 đồng, bà S đã trả 1.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện bà S chưa trả số tiền

75.000.000 đồng. Nay bà Đào Thị Kim T yêu cầu bà S phải trả số tiền 75.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng.

Trường hợp nếu bà S trả hai lần cho đến cuối năm 2022 thì bà T yêu cầu bà S phải trả 76.000.000 đồng cùng tiền lãi theo quy định.

Tại đơn trình bày, biên bản công khai chứng cứ, lời khai phiên tòa bà Nguyễn Thị S trình bày:

Trước năm 2013, bà S, bà T và một số người chơi hụi với nhau. Bà S nhận trách nhiệm thu chung. Đến tháng 10/2013 một số người hốt hụi rồi không đóng bẻ hụi. Lúc đó số tiền bà T đóng vào khoảng 150.000.000 đồng, tiền lãi 100.000.000 đồng, tổng cộng là 250.000.000 đồng. Bà T bảo bà S ký giấy vay tiền để làm tin chứ bà S không có vay của bà T. Sau đó bà S đã chuyển trả cho bà T từ Lê Tùng 30.000.000 đồng, Loan Hương 30.000.000 đồng, Lê Thắng 120.000.000 đồng. Bà S thu bà K hai lần 20.000.000 đồng trả cho bà T, bà T nói bà S chuyển 50.000.000 đồng bà K nợ bà S qua cho bà T và đã ba mặt một lời. Bà K đã viết giấy nhận nợ bà T và thỏa thuận bà K phải trả lãi cho bà T là 1.500.000 đồng/tháng nếu bà K chưa có tiền để trả. Qua nhiều lần bà S hỏi bà T về giấy gốc nhưng bà T không xé giấy gốc mà dùng giấy gốc này đi kiện.

Bà S chỉ đồng ý trả cho bà T 50.000.000 đồng với điều kiện để cho bà S trả làm hai lần, thời hạn trả đến cuối năm âm lịch 2022. Trường hợp bà T không đồng ý, bà S yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người làm chứng bà Nguyễn Thị K trình bày:

Năm 2014, bà K có nợ bà Nguyễn Thị S số tiền 50.000.000 đồng, bà S đã chuyển nợ từ bà K qua bà T số tiền 50.000.000 đồng, bà T đã cho bà K vay lại số tiền 50.000.000 đồng với lãi thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng. Khi thỏa thuận cản trừ số tiền nợ có mặt bà T, bà S và bà K, các bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không lập thành văn bản, cũng không có người nào khác chứng kiến.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà S phải trả cho bà T số tiền 75.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/5/2019, mức lãi suất theo quy định. Bà T không thừa nhận có việc cản trừ nghĩa vụ 50.000.000 đồng từ bị đơn qua cho bà Nguyễn Thị K.

Tại phiên tòa, bị đơn chỉ đồng ý trả cho bà T 25.000.000 đồng, đối với khoản tiền 50.000.000 đồng, bà S không đồng ý trả vì đã chuyển nghĩa vụ cho bà Nguyễn Thị K. Bà S không đồng ý trả lãi.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:

- Đơn khởi kiện;
- Giấy vay tiền ngày 15/10/2013 âm lịch (Bản gốc)
- Giấy vay tiền ngày 15/10/2013 âm lịch (Bản photocopy);
- Giấy vay tiền ngày 15/10/2013 âm lịch (Bản photocopy có chữ ký xác nhận của bà T);
- Bảng kê (Bản photocopy);
- Đơn trình bày của nguyên đơn, bị đơn;
- Đơn trình bày của bà Nguyễn Thị K;

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các Điều 274, 275, 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị Kim T. Buộc bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả cho bà Đào Thị Kim T số tiền 101.937.500 đồng (*Một trăm lẻ một triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) trong đó gồm 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*) tiền gốc và 26.937.500 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền lãi.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.096.875 đồng (*Năm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*). Hoàn trả lại cho bà Đào Thị Kim T số tiền 2.888.000 đồng (*Hai triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0006490 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 13 tháng 01 năm 2023 bị đơn Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:
 - + Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
 - + Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:
 - + Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử vụ án.
 - + Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào K quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Giữa bà Nguyễn Thị S với bà Đào Thị Kim T có quan hệ vay tiền với nhau. Ngày 15/10/2013 âm lịch bà S lập “Giấy vay tiền” đối với bà T. Theo đó, bà S

vay 250.000.000 đồng của bà Thẹn đến ngày 15/02/2014 âm lịch trả. Quá hạn, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam K, bà T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà S thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Toà án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S, thấy rằng: Trong quá trình tham giá tố tụng, bà S thừa nhận có nợ hụi bà T, không vay tiền của bà T và xem xét cho bà đã căn trừ nợ số tiền 50.000.000 đồng với người thứ ba là bà Nguyễn Thị K, Phạm Thị M, nhưng bà S không cung cấp được tài liệu nào chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà T không thừa nhận có sự thoả thuận chuyển giao nghĩa vụ ba bên như lời khai của bà S. Mặt khác, “Giấy vay tiền” ngày 15/10/2013 Âm lịch (BL 29), do bà T giao nộp cho Toà án để khởi kiện, không có nội dung giao dịch “Hụi” giữa các bên, số tiền bà S vay của bà T lớn hơn số tiền bà T yêu cầu bà S trả nợ, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T buộc bà S có nghĩa vụ trả nợ 75.000.000 đồng cùng lãi phát sinh là có cơ sở. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bà S không xuất trình được tài liệu chứng cứ để phản bác yêu cầu khởi kiện của bà T, nên kháng cáo về nghĩa vụ trả nợ vay của bà S không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị S;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”; giữa nguyên đơn bà Đào Thị Kim T với bị đơn bà Nguyễn Thị S.

2. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các Điều 274, 275, 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả cho bà Đào Thị Kim T số tiền 101.937.500 đồng (*Một trăm lẻ một triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) trong đó gồm 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*) tiền gốc và 26.937.500 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị S phải chịu 5.096.875 đồng (*Năm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đào Thị Kim T số tiền 2.888.000 đồng (*Hai triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0006490 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã tạm nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004889 ngày 03-02-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu TDS, HSVA, AV, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Đình Sớm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Văn Hà

Nguyễn Tiến Sỹ

Võ Đình Sớm